LỄ KỶ NIỆM KINH LƯỢC PHAN THANH GIẢN TẠI TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC VÀ K.N. SAIGON NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 1972

TUẦN LÝ HUỲNH KHẮC DỤNG

LỄ KỶ NIỆM KINH-LƯỢC PHAN-THANH-GIẢN

TẠI TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC VÀ K.N. SAIGON

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 1972

BÀI THUYẾT TRÌNH CỦA ÔNG TUẦN-LÝ HUỲNH-KHẮC-DỤNG



PHAN - THANH - GIẢN

(1796-1867)

NGUỒN-GỐC.- Theo Đại-Nam chánh-biên liệt truyện, tổ-tiên cụ Phan-thanh-Giản gốc người Trung-hoa, vì không theo nhà Mãn Thanh nên lánh nạn sang nước ta, lúc đầu định cư tại tỉnh Bình-định. Đến năm 1779, nhơn binh-biến Tây-sơn, ông bác và ông nội cụ đem gia-quyến vào Nam, an-cư tại Thang-trông, một làng thuộc Định-Tường, ít lâu dời đến xóm Man-thịt thuộc làng Mỹ-thạnh-trung, gần Vũng-liêm, Vĩnh-long, rồi sau cùng lại về cư-ngụ tại làng Tân-thạnh. (+)

Phan Thanh Giản tự Tịnh-bá và Đạm-như, hiệu Lương-khê và Mai-xuyên, cha tên Ngạn, mẹ họ Lâm, dòng-dõi bên ngoại người Phước-Kiến, Trung-hoa, di-cư đến nước ta, ở huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-ngãi, rồi lại chạy giặc Tây-sơn vào Nam-kỳ an-cư vùng Định-Tường. Ông Phan Thanh Giản sinh giờ Thìn, ngày 12 tháng 10 năm Bính-Thìn, nhằm ngày 11 tháng 11 dương-lịch năm 1796 tại làng Tân-thạnh, huyện Vĩnh-bình, phủ Định-Viễn, trấn Vĩnh-Thanh (++). Các địa-danh này nhiều lần thay đổi : năm 1832, làng Tân-thạnh đổi thành làng Bảo-thạnh, tổng Bảo-trị, phủ Hoằng-trị, tỉnh Vĩnh-long. Thời Pháp thuộc Bảo-thạnh thuộc quận Ba-tri, tỉnh Bến-tre, nay là Kiến-Hòa.

ẤU và THIẾU THỜI.- Mẹ ông sanh em gái ông tên Chánh mới 7 ngày thì bịnh mà chết, thọ có 27 tuổi. Lúc ấy Phan lên 7, một em trai tên Hội lên 4, mất mẹ sớm quá, nên thân-phụ mới gởi cả ba anh em về nương-tựa với ông ngoại bà ngoại tại làng Phú-Ngãi. Hai em đều mất cách đó không bao lâu, Phan bơ-vơ, bước chơn vào đời. Ông học vỡ lòng với sư trụ-trì tại chùa trong làng, tên Nguyễn Văn Noa, không rõ được bao lâu. Dưới triều Gia-Long(+++) thân-phụ làm thủ-hiệp phòng Công-chánh ở Vĩnh-Long nhân bị cáo gian nên bị bắt và kết án 1 năm tù. Lúc bấy giờ Phan được 20 tuổi đến ra mắt quan Hiệp-trấn Vĩnh-Long xin để mình thay thế cho cha. Quan thương đứa con hiếu-thảo bèn

---

(+)(++) Thuở ấy tỉnh Gia-định quá rộng nên năm 1732 triều-đình lập phủ Định-Viễn và dinh Long-Hồ. Năm Kỷ-Hợi 1779, đổi thành Hoằng-trấn-dinh rồi năm sau, tháng tư năm Canh-Tí, Hoằng-trấn dinh lại đổi là Vĩnh-trấn-dinh. Hai chục năm sau, tháng giêng năm Mậu-Thìn, 1808, Vĩnh-trấn-dinh lấy tên là Vĩnh-thanh-trấn (Thực-lục tiền biên, số 9, trang 9a; Thực-lục đệ nhứt kỷ, 1, trang 8a và 34, trang 1b.

(+++) Lãng nhân, Giai-thoại Làng Nho, trang 313.

nưng-đỡ cho ăn học tại trường tỉnh Vĩnh-long. Mỗi ngày khi tan học mới vào thăm và nuôi cha. Đến khi cụ Ngạn được tha ra, cụ ngao-ngán hoạn-trường, định về quê ẩn-dật. Quan Hiệp-trấn bàn nên để Phan ở lại Vĩnh-long tiếp-tục việc sách đèn.

NƯỚC NON SÓNG GIÓ.- Phan Thanh Giản lớn lên trong lúc nước nhà trải qua trên 30 năm sóng gió : từ đầu thế-kỷ 19 vua Minh-Mạng chuyên-chế, gắt-gao, không chịu giao-thiệp với nước ngoài, ngược-đãi giáo-sĩ đạo Gia-tô. Suốt 20 năm tại vị, ông đã tỏ ra không thức-thời, cứ cương-quyết bế môn tỏa cảng. Đến đời Thiệu-Trị cũng theo đường-lối cũ, cũng cấm đạo và giết giáo-sĩ, do đó mới có sự đụng chạm với Tây-phương. Đến triều Tự-Đức đầu óc bài ngoại hãy còn, quan-niệm lệch-lạc về văn-minh Tây-phương, khi sực-tỉnh thì quá muộn-màng... Biết hoàn-cảnh xã-hội ấy, ta mới hiểu tâm-hồn quan Phan.

Năm Ất-Dậu, Minh-Mạng thứ 6 (1825) Phan thi Hương ở Gia-định, đậu cử-nhân, năm sau thi Hội ở Huế đậu hạng 10. Khi thi Đình, đậu hạng 3. Phan Thanh Giản là người Nam-kỳ đầu tiên được khắc tên vào Bia Tiến-sĩ. Năm ấy ông 31 tuổi.

Đại đăng-khoa rồi tiểu đăng-khoa : Phan cưới vợ là Nguyễn Thị Mỹ tự Cau, làng Mỹ-lộc, huyện Phước-lộc, tỉnh Gia-định. Đến tháng 8 được bổ Hàn-lâm-viện biên-tu, tháng 11 làm Tham-hiệp Quảng-bình. Trên đường phó-nhậm, ông tức cảnh sinh tình :

Muôn dặm đường xa mới tới kinh,
Bao nhiêu non nước bấy nhiêu tình...
Rừng không, người vắng, chim kêu rộn,
Trăng lặn, sao mờ, gió thổi rinh...

Năm 1827, bà Mỹ mất sớm. Năm sau Phan tục-huyền với bà Trần Thị Hoạch tự Cúc, quán Đơn-duệ, huyện Địa-linh, Quảng-trị (+). Năm ấy 33 tuổi. Vợ chồng ăn ở với nhau không được bao lâu, Phan gởi vợ vào Nam phụng-dưỡng cha già. Vốn là một hiền-phụ, bà vâng lịnh ra đi. Phan tiễn vợ làm bài thơ này :

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười tớ ham dong-ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước nợ trai đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo khi lâm biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỏi lòng?

Về sau, bà ngỏ ý cưới thiếp cho chồng nhưng Phan không chịu :"Tôi lo việc nước chưa xong, trí đâu mà nghĩ tới chuyện hầu thiếp?"

HOẠN LỘ THĂNG TRẦM.- Đời làm quan của Phan Thanh Giản nhiều lúc thăng trầm, tưởng cũng nên chép lại cho biết tánh điềm-đạm, nhẫn-nại của con người ấy, trước những quyết-định độc-đoán bất-công mà khi đọc chúng ta không khỏi ngạc nhiên và bất bình.

(+) Sau là Vĩnh-linh (Chợ Huyện) cách Huế 100 cây-số ngàn.

Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) ông được triệu về cho làm Hiệp-trấn Quảng-nam. Lúc đó giặc nổi dậy ở vùng Suối Chiên-đàn, ông dẹp không xong nên bị giáng làm quân để lập công chuộc tội. Năm sau, 1832, dẹp được đám dân thiểu-số ấy mới được phục-chức với bực Kiểm-thảo, rồi lên Hộ-bộ viên-ngoại-lang. Rồi lại lên Hồng-lô-tự khanh, xử-lý bộ Hình, được cử đi sứ bên Tàu. Khi về, thăng Đại-lý tự-khanh, phụ-trách chức Cơ-mật-viện đại-thần. Đó là năm 1834.

Năm sau, Minh-Mạng thứ 16 (1835) được sai đi công-cán Trấn-tây (Cao-miên), trên đường về, dẹp loạn Bình-thuận, được phong Quảng-nam bố-chánh hộ-lý tuần-phủ Quản Phòng.

Năm Minh-Mạng thứ 17 (1836) Vua định ngự-du núi Ngũ-hành ở Quảng-nam, Phan dựng sớ xin Vua hoãn việc ấy vì dân đang làm mùa, nếu phải bận rộn đón thánh giá, e bất lợi cho việc gặt hái. Vua giận, cho là Phan muốn bắt chước Mạnh-tử hồi xưa (!) bèn sai quan ngự-sử Võ Huy Tấn đi Quảng-nam xét coi hư-thực ra sao. Võ về tâu :"Dân thì mong Vua, chỉ có quan là tham-nhũng", Vì lẽ ấy, Phan bị giáng làm thuộc-viên thường, phải chịu cái nhục quét dọn công đường ngay ở tỉnh mình đang làm quan lớn! Vua cũng đình-chỉ việc đi chơi. Hai tháng sau, Phan được bổ Nội-các Thừa-chỉ, tòng ngũ phẩm, kế đó Hộ Bộ lang trung (4-1) rồi Thủ-thị lang (3-2).

Năm Minh-Mạng thứ 17 (1838) vì trên một lá sớ có bút phê của vua mà không coi chừng, để thiếu đóng ấn vào Phan bị giáng cấp làm lang-trung (4-1). Ít lâu sau bị đổi đi vùng núi Chiên-đàn ở Quảng-nam coi việc khai mỏ vàng, rồi lại đổi lên Thái-nguyên coi việc khai mỏ bạc, nhưng rồi qua năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) Phan được triệu về và bổ Thông-chánh sứ Ty Phó-sứ (3-2) rồi Hộ-bộ thị-lang. Lúc bấy giờ Tổng-đốc Bình-định là Vương Hữu Quang dựng sớ xin Vua hãy hủy bỏ tuồng hát "Lôi phong tháp" vì tuồng ấy xúc phạm đến thần-linh nên tỉnh Bình-định phải chịu nạn hạn hán, Các quan hùa nhau dựng sớ hài tội. Quan Phan không chịu ký tên vào, lại còn biện-minh cho Quang là người Gia-định, nên bị sụt chức làm Thông-chánh phó sứ. Lý-do viện ra, là Ông có óc bè đảng.

Năm sau (1840) làm phó chủ-khảo trường Thừa-thiên. Vì sơ-suất trong việc chấm thi, quan Phan bị sụt một trật nhưng không bao lâu lại lên Binh-bộ thị-lang, rồi Tham-tri Binh-bộ sung Cơ-mật-viện đại-thần, tòng nhị phẩm (2-2). Đó là năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841).

Ta thấy quan Phan lắm khi giáng chức một cách vô lý tàn nhẫn, nhưng rồi nhờ tánh kiên-tâm nhẫn-nại của mình mà phục-hồi chức vị mau lẹ.

Năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843) nhân-sự một luồng bạch-khí lơ-lửng trên không, Vua truyền giải-thích coi đó là điềm lành dữ thế nào.

Quan Phan viết sớ tâu đại ý như sau :

" Giữa Trời và Người có lắm điều đáng sợ. Thiên-vị, Thiên-dân, Thiên-đạo, trong lòng vua đều có sẵn, tim Vua nhịp là để thông lẽ Trời, khi chăn dân, lúc nào cũng siêng-năng cần-mẫn, mặc dầu không thấy dấu-hiệu chi lạ. Làm quân vương, nên biết run-sợ, mặc dầu không nghe điều chi đáng sợ. Khi có một triệu-chứng nhỏ-nhen, phải biết tiên-đoán một biến-cố sắp xuất-hiện. Phải biết rút kinh-nghiệm, lấy đức trị dân. Như thế là thuận lòng Trời; như thế, giữa Trời và Vua có sự cảm-thông. Trời mới ban phúc cho dân, dân sẽ yên vui. Hoàng-thượng đã là bực chí-hiếu chí thành, bố ân khắp nước. Tuy nhiên, còn lắm chuyện không hay nên Trời ra điềm cảnh-tỉnh. Hoàng-thượng rộng-lượng muốn gần dân, nhưng dân dễ chi gần thiên-tử! Nếu dân không tiếp nhận được hoàng ân, há không phải tại các quan chẳng thương dân mà tấu trình sự thật ư? Mấy năm sau này phía tây biên-thùy có biến, nước mất an-ninh, nhiều cuộc nổi loạn làm dân đồ khổ. Cúi mong Hoàng-thượng triệu-tập nhân-sĩ lão-thành kha kinh để nghị bàn quốc-chánh, hiểu-thị bá quan từ nay phải tấu trình chân-thành nỗi thống-khổ của dân đen, không được giấu-giếm, Hoàng-thượng sẽ áp-dụng những biện-pháp thích-nghi. Như thế, nạn tham quan ô lại sẽ cáo-chung, quân-lực được tận dụng, biên-thùy được bảo-an, quốc-gia được hùng-cường."

Trong ba năm : 1847, 1848 và 1849 đều cả vinh-thăng. Đến năm Tự-Đức thứ tư (1851) Nguyễn Tri Phương được cử làm Nam-kỳ Kinh-lược Chánh-sứ, Phan-thanh-Giản làm Phó-sứ, Tuần-vũ Gia-định kiêm Lãnh-đốc các đạo Biên-hòa, Long-Tường (Vĩnh-Long, Định-Tường), An-Hà (An-giang, Hà-tiên).

Năm Tự-Đức thứ 5 (1852) Phan cùng với Nguyễn Tri Phương đứng-sớ tấu 8 điểm, xin vua bỏ hát-xướng, tiết-kiệm, bớt xa-hoa phung-phí vân. vân... và xin lại Kinh. Vua không cho, chỉ ân thưởng cho Phan một chiếc khánh vàng có khắc 4 chữ : liêm, bình, cần, cán. Qua tháng 8 năm sau, Tự-Đức thứ 6 (tháng 9 dl. 1853) được triệu về kinh và phong Hiệp-biện đại-học-sĩ (1-2) Binh-bộ Thượng-thư. Phan dâng sớ đề-nghị biện-pháp cải-thiện Nam-kỳ, Vua phê y, và năm Tự-Đức thứ 9 (1856) Phan được cử làm Chánh Tổng Tài Quốc-sử quán để soạn thảo bộ Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, 53 quyển.

Năm Tự-Đức thứ 12 (1859), Đà-nẵng và Định-Biên (+) báo động. Từ trên hai năm nay quân Pháp hiệp cùng quân Y-pha-nho đem chiến-thuyền đến bắn phá Đà-Nẵng vì lẽ triều-đình sát-hại giáo-sĩ đạo Gia-tô.

PHÁP GÂY HẤN.-

HÒA-ƯỚC 1862.- Lúc bấy giờ trong nước sống phập-phồng lo sợ. Nhà Vua tức-tối còn cấm đạo ngặt hơn trước nữa, Một giám-mục người Y-pha-nho tên Diaz và Garcia ở Bùi-chu, Thái-bình và nhiều thầy giảng người Việt bị giết. Trước sự gây-hấn của người Pháp, Phan Thanh Giản và đình-thần tâu xin Vua tìm biện-pháp phòng chiến, thủ thành hoặc giải hòa. Vua giao việc ấy cho quan Phan.

(+) Gia-định, Biên-hòa.

Hoàng-đế nước Pháp là Nã-phá-luân đệ tam sai đô-đốc Rigault de Genouilly sang. Vừa tới cửa Đà-nẵng bắn phá ngay và hạ luôn các đồn lũy của ta. Rồi qua hôm sau các chiến-thuyền quay về Nam-kỳ bắn pháo-đài hai bên bờ sông Đồng-Nai, tiến đánh Gia-định. Chỉ trong hai ngày Cần-Giờ thất-thủ (11.2.1859) rồi ngày 17.2.1859, thành Gia-định cũng mất luôn. Để De Jaureguiberry coi chừng thành Gia-định và chống với quân ta ở Biên-hòa, De Genouilly trở ra Đà-nẵng đánh đồn Phúc-Ninh, tưởng có viện binh thì nuốt luôn cả Nam Trung cùng một lúc, nhưng tình-thế nước Pháp lúc ấy cũng khẩn trương, viện quân không sang được. Anh ta bối-rối, phải bỏ về Pháp. Đô-đốc Page qua thay, chia binh phân nửa giữ Gia-định, phân nửa sang Tàu giúp quân Anh, đánh Quảng-đông. Lúc bấy giờ Nguyễn Tri Phương được cử vào Nam chống Pháp. Trước khi lên đường, ông tiến cử Phan Thanh Giản giữ Quảng-nam.

Năm 1861, Nguyễn thua trận, Pháp thừa thắng lấy Biên-hòa, Thủ-dầu-một, Tây-ninh, quay xuống Mỹ-tho, đặt nền-móng cai-trị trên những phần đất mới chiếm. Năm 1862, tướng Pháp Bonard muốn nghị hòa. Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp xin Vua cho vào Nam hội-nghị. Vua Tự-Đức chuẩn cho hai quan làm Chánh, phó sứ đại thần vào Nam thương-thuyết vì lúc đó thế Pháp rất mạnh, đánh đâu thắng đó, như chẻ tre, bên ta có thể nói là "thế cùng lực tận" rồi. Nếu Tự-Đức chịu nghe lời Nguyễn-Bá Nghi lúc trước thì có lẽ còn đỡ hơn. Nghi đã tâu đại ý như vậy : "Sức chúng ta không cự nổi người Pháp. Phải cầu hòa." Vua nghe lời bọn quan khác, dùng-dằng, không có quyết-định dứt-khoát cho nên Tây mới chiếm chỗ này rồi chỗ kia, Vua căn-dặn Phan, Lâm :"Khi thương-thuyết hãy dò xét tình-lý, tùy nghi biện-bác, sao cho họ bình tâm (!) nghĩ lại, giảm được phần nào tốt phần ấy..." Đại-để chủ-trương của triều-đình Huế là nhân-nhượng tối-thiểu về các lãnh-vực truyền giáo, giao thương và dùng tiền chuộc những phần đất bị chiếm (!). Nhưng khi gặp thiếu-tướng Bonard, đại-diện nước Pháp và đại-tá Palanca, đại-diện nước Y-pha-nho, sứ-bộ Phan Thanh Giản đã phải đương-đầu với một lập-trường quá khắt-khe, ngoài sự tiên-liệu của triều-đình. Ở đây, không có vấn-đề cho chuộc đất, chỉ có vấn-đề kẻ mạnh lợi-dụng chiến thắng ăn hiếp kẻ yếu mà thôi! Sau đây là những điều-kiện chánh đưa ra :

1)- Hai nước Pháp-lang-tây và Y-pha-nho cùng nước Đại-Nam giao-hảo vĩnh-viễn với nhau. 2)- Người Pháp và Y-pha-nho được tự-do truyền-giáo ở nước Đại-Nam, ai muốn theo thì theo, ai không theo, không được ép buộc. 3)- Đại Nam giao cho Pháp quản-trị ba tỉnh Biên-hòa, Định-tường và Gia-định. Sự đi lại bằng đường thủy giao-thông với Cao-miên được tự-do. Tàu binh Pháp qua lại cũng được tự-do. 4)- Từ nay về sau, nếu có nước nào gây sự với nước Nam, phải báo cho Pháp hay để giúp-đỡ, Nếu phải cắt đất giảng hòa, phải có sự ưng thuận của nước Pháp mới được. 5)- Thương-gia Pháp và Y-pha-nho được vào ra buôn-bán ở các cửa biển Đà-Nẵng, Ba-Lạt, Quảng-Yên. Ngược lại, người nước Nam muốn qua buôn-bán ở hai quốc-gia bạn cũng được.

6)- Mọi sự oán-cừu sẽ tiêu-tan sau Hòa-ước này. 7)- Ta phải trả cho hai nước bạn một số bồi-tổn là 4 triệu đồng bạc (+) phân trả trong 10 năm, mỗi năm giao 400.000 cho Pháp tại Gia-định. Nay đưa trước 10 vạn quan, sẽ khấu trừ sau. 8)- Dân Nam phạm tội trốn sang Pháp hay dân Pháp phạm tội trốn sang Nam, sẽ được dẫn-độ (++). 9)- Dân ba tỉnh Vĩnh-Long, An-giang, Hà-tiên qua lại các vùng thuộc Pháp để làm ăn thì tự-tiện. Chở binh-lính, lương-hướng, súng đạn phải có giấy phép của quan Pháp, bằng không sẽ cắt trị tội. 10)- Tỉnh Vĩnh-long, người Pháp đã lấy được, nay tạm đóng binh giữ, nhưng việc gì thuộc nước Nam thì do quan Nam biện-lý. 11)- Hạn trong một năm, vua 3 nước ngự-lãm, phê-chuẩn, Hòa-ước sẽ gở-giao tại kinh-đô nước Nam.

Đại-cương Hòa-ước Nhâm-Tuất (5-6-1862) là như thế.

Phan Thanh Giản lấy làm đau lòng mà phải ký rồi dưng biểu về kinh. Vua tuy khiển-trách nhưng cũng sai làm Thống-đốc Vĩnh-long, Lâm Duy Hiệp làm Tuần-vũ Thuận-khánh để giao-thiệp với người Pháp. "Lấy công chuộc tội" (!). Lẽ dĩ-nhiên, cuộc thương-thuyết bất-thành. Đời nào Bonard lại chịu nhả miếng mồi ngon... Quan Phan bị cách chức nhưng được lưu-dụng.

__ĐI SỨ SANG TÂY__.- Năm Quý-Hợi, Tự-Đức thứ 16, tháng giêng (1863) Bonard báo tin đến tháng 2 sẽ có sứ-thần Pháp - Y-pha-nho đến Huế xin xác-nhận Hòa-ước 1862. Vua tiếp hai sứ-thần xong, lại bàn với đình-thần làm sao tìm cách điều-đình để xin chuộc đất (!), nghĩ rằng nếu có người sang tận Pháp quốc có lẽ kết-quả sẽ tốt đẹp hơn. Phan được triệu về Huế, giao trọng-trách ấy và được chọn cầm đầu sứ-bộ sang Âu-châu. Những quan đi sứ là : Lại bộ tả Tham-tri Phạm Phú Thứ, Án-sát Quảng-nam Ngụy Khắc Đản (đệ-nhị, đệ-tam đại-sứ). Chánh-phủ Saigon cho đi theo 9 người là : Pétrus Trương-vĩnh-Ký thông-ngôn hạng nhứt, Pétrus Nguyễn Văn Sang, thông-ngôn hạng nhì, Tôn Thọ Tường, nho-sĩ hạng nhứt, Phan Quang Hiếu, nho-sĩ hạng nhì, Luông và Simon Của, học-sinh trường Collège d'Adran. Có linh-mục Paulus Hoàng đi theo nữa. Lại có người thông-dịch-viên tên Nguyễn Văn Trường (chết ở Aden) Tất cả có 53 người.(+++)

Trước khi ra đi, quan Phan tâu :"Thần sẽ cố-gắng, nhưng thành bại còn tùy hai chánh-phủ Tây". Phái-đoàn đáp chiếc tàu "L'Européen" rời bến Saigon ngày 4.5.1863. Ngồi trên tàu, quan Phan cảm đề như sau :

ĐI SỨ SANG TÂY

Chín từng lồng-lộng giữa trời thinh,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ-trình.
Lo nỗi nước kia cơn phiền biến,
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.

(+)Sách tây nói "dollars" vậy phải tính dollar là 72% 1 lượng (tael)- Phan Khoang,VN Pháp-thuộc sử,SG, Khai-trí 1961.
(++) Ý là như thế.
(+++) 53 người : P. Daudin et Lê-văn-Phúc, Phan Thanh Giản, tr. 10, Saigon, Imp. Nguyễn Văn Của 1941.

Ngàn trùng biển cả bằng tầy đia,
Muôn dặm đường xa thẳng đế kinh.
Mấy nước sang qua cùng Pháp quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa minh.

Nhắc lại bài thơ này để cho người ta hiểu nỗi lòng của quan Phan, lúc nào cũng muốn làm tròn sứ-mạng để khỏi phụ lòng Vua, nghĩa là làm sao cho cuộc điều-đình đem lại kết quả mỹ-mãn.

Tới đây, tưởng nên mở dấu ngoặc, cho biết rằng thời bấy giờ nước Pháp với Hoàng-đế Nã-phá-luân đệ-tam, đang ở trong giai-đoạn chánh-phủ chuyên-chế, từ năm 1858 đến năm 1867.

Sau hai tháng mấy linh-đinh trên mặt biển, phái-bộ tới hải-cảng Toulon ngày 9.9.1863 (27 tháng 7 năm Quý-Hợi), qua ngày 13.9 tới Marseille, được tiếp rước trọng thể. Tới Paris ngày đó lúc chiều, phái bộ cũng được long-trọng tiếp đón theo nghi-lễ ngoại-giao.

Vì Pháp-hoàng bận tuần-du Biarritz nên các quan đành chờ ở Paris. Mãi đến ngày thứ 54 (5.11.1863) mới được vào triều-kiến. Pháp-hoàng tiếp quốc-thư, nghe trình bày rồi đáp :

"Nước Pháp có hảo-ý với tất cả các nước khác và sẵn-sàng bênh-vực kẻ yếu. Nhưng nếu có ai cản đường tiến-thủ của nước Pháp,thì hãy coi chừng,chúng ta sẽ nghiêm-khắc đối-phó!"

Đây là lời-lẽ đe-dọa của bực kẻ cả bề trên, mặc dầu lúc ấy, vì giặc-giã lung-tung, nước Pháp không mạnh lắm đâu, nhưng ta là một nước nhỏ bé, yếu hơn họ nhiều, và sánh với họ khác nào châu chấu với xe!

Ngày 10.11.1863 phái-bộ rời Pháp sang Madrid yết-kiến nữ-hoàng Isabelle với một bản dự-thảo Hòa-ước mới thay-thế Hòa-ước 1862 và xin cho nước Nam chuộc lại 3 tỉnh Biên-hòa, Gia-định, Định-tường.

Cuộc thương-thuyết với hai chánh-phủ Tây kéo dài mà chẳng mang lại kết-quả mong muốn. Báo-chí bên Pháp có hai phe, một không muốn chiếm đất-đai xa-xôi, tốn hao công-quỹ, một thì xui Vua nên "quan-tâm đến những điều-kiện phải có để bảo-đảm cho nền thương-mại của ta những nguồn-lợi thích-đáng, mà không bắt ngân-sách quốc-gia chịu những chi-tiêu nặng-nề" (báo Le Moniteur, 13.11.1863). Sứ-bộ đành hồi-hương với những lời hứa hẹn suông...

VỀ NƯỚC.- Chuyến về, phái-đoàn đi trên chiếc tàu Japon rời khỏi nước Pháp đầu tháng 12 năm 1863.

Tới Saigon ngày 18.3.1864 thì qua ngày 24, quan Phan đi luôn ra Huế, trình tâu kết-quả cuộc thương-thuyết. Vua và đình-thần đều vui lòng. Vua liền phong Phan chức Hộ-bộ Thượng-thư. Trong lúc ở Pháp, quan Phan có dịp quan-sát và nghe thấy khá nhiều về nền văn-minh của Âu-châu, nên trình cho vua biết.

"Bách ban xảo diệu tề thiên địa,
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền"
(Nhiệm-mầu trăm thứ ngang trời đất,
Chết sống mới e phép của trời)

và xin Vua hãy canh-tân mọi ngành hầu tiến bước cho kịp người. Đình-thần không ai tin những phát-minh khoa-học cho là tưng bốc người ngoại quốc, làm giảm uy-thế mình.

Phan buột miệng than :

Từ ngày đi sứ tới Tây kinh,
Thấy việc Âu-châu phải giựt mình!
Kêu tỉnh đồng bang mau kịp bước,
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin!

Lúc này Pháp-hoàng đã bước vào giai-đoạn chánh-phủ tự-do, từ năm 1867 đến năm 1870. Trong thời-gian ba năm ấy, chánh-phủ khuyến-khích nông-nghiệp, kỹ-nghệ và thượng-mại, mặc dầu cũng khá bận tâm về chiến-sự ngoài nước, với đạo Crimée, Trung-hoa và Nam-Việt. Nhưng dầu sao, họ cũng mạnh hơn ta rất nhiều. Vậy mà đình-thần Việt-Nam cứ đinh-ninh là ta mạnh. Thế mới chết!

HIỆP-ƯỚC 15.7.1864.- Khi về nước, Phan được phong Hộ-bộ Thượng-thư rồi nhận có Toàn-quyền đại-thần của Pháp là Aubaret (Hà-ba-Lý) tới Huế để ký một Hòa-ước mới, có giao hoàn 3 tỉnh đã chiếm, cho ta. Vua Tự-Đức phong cho Phan Thanh Giản chức Toàn-quyền đại-thần ngang hàng, để thương-thuyết. Trong cuộc đàm-đạo, đại-diện nước PHáp trình-bày quan-điểm mới : Họ thuận giao hoàn cho ta ba tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Định-tường, nhưng giữ lại Saigon và Thủ-dầu-một để lập căn-cứ quân-sự. Ngoài ra Pháp vẫn bảo-hộ cả sáu tỉnh, nước ta phải nộp cho nước Pháp 2 triệu đồng thuế mỗi năm. Đó là những điều-kiện còn ngặt-nghèo hơn trước làm cho quan Phan bối-rối lên. Ông thấy rằng cuộc đi sứ của mình hoàn-toàn vô ích! Hai bên đồng ý ký Hiệp-ước ngày 15.7.1864. Hiệp-ước này sẽ có hiệu-lực sau khi được các chánh-phủ liên-hệ phê-chuẩn.

Nhưng mỉa-mai thay! Trong khi cuộc hội-đàm diễn-tiến tại Huế thì bên Pháp quốc, Vua nghe lời bọn thực-dân, nên ngày 18.7.1864, Nã-phá-luân đệ-tam truyền lịnh cho Aubaret ngưng ngay cuộc hội-đàm. Lịnh này tới Huế ngày 21.7.1864 nghĩa là 6 ngày sau khi hai vị toàn-quyền đã ký tên vào Hiệp-ước 15.7.1864!

Lúc đó quan Phan đã 70 tuổi rồi, thấy trong người mệt mỏi, tâm-trí chán ngán, nên dưng sớ xin trí-sĩ. Vua Tự-Đức đang phân-vân, chưa biết định lẽ nào, thì quân Pháp chiếm đóng Cao-miên, đặt luôn bảo-hộ trên đó. Thừa thắng, thực-dân Chasseloup-Laubat nhứt-định nuốt lời, không trả ba tỉnh cho ta.

Người thời ấy cứ đổ thừa, tại nước Nam mà cuộc thương thuyết của sứ bộ Phan Thanh Giản - mới thất-bại, nhưng người ta không nghĩ đến những lý-do ngầm nào đã khiến Pháp phủ-nhận những lời ký-kết trong hiệp-ước Phan Thanh Giản - Aubaret. Bọn thực-dân thuở ấy thấy nước ta suy-nhược, nên chủ-trương thừa cơ-hội biến Nam-kỳ thành thuộc-địa luôn, để dùng đất này làm bàn đạp xâm-chiếm trọn nước ta và lần lần đoạt luôn bán-đảo Đông-dương. Giòng lịch-sử đã chứng-minh điều đó...

KINH-LƯỢC-SỨ.- Kế-hoạch của nước Pháp xâm-chiếm Nam-kỳ rõ như ban ngày, vậy mà sau khi được Tổng-trấn Vĩnh-long Trương Văn Uyển mật báo tình-hình 3 tỉnh miền Tây, Vua Tự-Đức lại định dùng ngoại-giao giữ nước (!) Bèn nghe lời tiến-cử của Đoàn-Thọ và Trần Tiễn Thành.......... phong Phan Thanh Giản làm Kinh-lược-sứ đại-thần, dạy dùng ngón ngoại-giao mà giữ 3 tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên.

Phan phụng-mạng đi ngay. Ngày 21.1.1866 ghé Saigon thì qua hôm sau đi Vĩnh-long trấn-nhậm. Trên đường đi, quan Phan ghé qua Mỹ-tho, gặp viên tư-lịnh tỉnh này là ông ANSART(+) để đàm-đạo. Quan Phan trong lòng bực-tức, nên hỏi nhiều câu "hóc búa"(+) như... :"Chừng nào các ông lấy 3 tỉnh?". "Các tỉnh này hiện-thời không thuộc các ông hay sao?" Các quan-lại tại đó đã không cố-gắng làm hài-lòng quan Thống-đốc hay sao?... Tất cả những sản-phẩm không qua tay các ông hay sao?... Các ông không kiểm-tra sự ra vào các tỉnh ấy hay sao?... Trong các tỉnh ấy, các ông không áp-dụng một thực-quyền tối-thượng hay sao? Cho đến đỗi phải quá khích trách chúng tôi là nô-lệ của người Pha-lang-sa... Chánh-phủ Pha-lang-sa sẽ viện dẫn lý-do nào để điểm-trang cho sự lạm-dụng thế-lực của mình, vì chúng tôi sẽ không chống sự xâm-lược bằng võ-lực, biết rằng sẽ vô ích... Hay là chúng tôi đã vi bội hòa-ước đã cùng ký với các ông trước đây?" v.v...

Tình-thế thật là gay-go : mình là kẻ yếu, cự thì không lại, nói chuyện lại lép vế, vì ngoài mặt người Lang-sa vẫn lịch-sự, lễ-độ nhưng trong lòng chỉ nhắm vào mưu-đồ xâm-chiếm mà thôi. Làm sao bây giờ? Phan vẫn nhẫn-nại, mềm-dẻo, trì chí tốt-độ, gắng sức điều-đình, nhưng vô-ích... Ông bèn dưng sớ xin từ chức. Vua đã không cho, lại còn quở trách : "Trẫm giao cho khanh một trọng trách. Khanh làm chưa trọn nghĩa-vụ, nay nghĩ sao mà từ-chức?. Quan Phan đành ở lại, rán sức thuyết... Trong khi ấy, đô-đốc De la Grandière, một mặt chuẩn-bị đánh úp! Ngày 15 tháng 6 d.l năm 1867, ông ta chỉ-huy nhiều chiến-thuyền đi thẳng xuống Vĩnh-long, trao tối-hậu-thư buộc nộp thành trong vòng hai tiếng đồng-hồ (!). Quan Phan chết điếng trong lòng, liền bàn với tả hữu :" Tôi năm nay 71 tuổi rồi. Phải chi giao-chiến với Lang-sa mà chết ở sa trường, thì danh thơm biết mấy. Nhưng e rằng binh ta khó nổi cự đương, hóa ra cảnh thịt rơi máu đổ, tội cho dân lành. Thôi, để tôi đánh liều xuống tàu, cố-gắng xem sao". Nói xong, cùng ông Án-sát Võ Doãn Thanh đi xuống soái-hạm gặp đô-đốc Pháp,

dùng lời ngon ngọt yêu-cầu đừng làm kinh-động nhân-dân, hãy thư-thả cho mình tâu lại :"Tôi được ủy-nhiệm giữ đất chớ không có quyền giao đất".

De La Grandière vờ bằng lòng chờ, nhưng khi quan Phan cáo biệt lên bờ về thành thì hỡi ôi! thành-trì đã bị quân địch tấn-công bốn mặt chiếm mất rồi!!

Đó là ngày 20 tháng 6 dương-lịch, năm 1867. Lại được báo tin, ngày 22 mất An-giang, ngày 24 mất Hà-tiên! Như thế trong vòng 5 hôm mất luôn 3 tỉnh! Bị đặt vào một tình-thế không lối thoát, quan Phan liền trích công-khố ra 1 triệu đồng, để trả nợ chiến-phí cho Lang-sa, số còn lại thì gởi về Kinh luôn cả áo mão, ấn triện, sắc-bằng cùng một lúc với lá sớ tuyệt-mạng đại ý như sau :

" Trên đất nước chúng ta có những hành-vi bạo-tàn khủng-khiếp xảy ra. Một luồng xú-khí xuất-hiện ở biên-thùy. Biện-cớ Nam-kỳ từ cõi ngoài đưa vào, với một cường-độ không thể can ngăn. Tôi thần đáng muôn thác. Nay không muốn sống cẩu-thả làm nhục cho Vua. Hoàng-thượng là bực bác lãm cổ-kim, dám mong xét kỹ vấn-đề trị, loạn, tiếp-xúc với hiền-nhân trong, ngoài, thuận tuân điềm Trời, an dân, chấn-bản, cho thảo một chương-trình toàn-diện, thay dây tránh vết (+), Được như thế, nhờ uy-thế của Hoàng-thượng, họa may còn vãn-cứu tình-thế được cũng chăng... Nay trước khi nhắm mắt, thần cứng họng không còn biết tâu chi hơn, chỉ nhớ thương vua, rơi lụy sụt-sùi và dám mong sao cho nguyện-vọng này thành-tựu..."(Tư thời tao gian bĩ, hung xú khởi ư giao điện phận xâm bạo ư biên ngữ Nam-kỳ cương, sự nhứt chí ư thử xâm xâm hồ, hữu bất khả át chi thế, thần nghĩa đương tử bất cảm cẩu hoạt dĩ di quân phụ chi tu ngã. Hoàng thượng bác-lãm cổ-kim, thâm-cứu trị loạn, trung ngoại thần hiền, đồng tâm hiệp tán, khác cẩn thiên cảnh, phủ tuất nhân cùng lự thỉ đồ chủng, canh huyền dịch triệt, thế lực do hữu khả vi. Thần lâm tuyệt ngạnh tắc bất tri sở vân. Đản tuyệt thế chiêm luyến bất thắng nguyện vọng nhi dĩ").

Đó là ngày 19.7.1867.

Viết sớ xong, cụ lánh ra một căn nhà tranh ở ngoại ô Vĩnh-long và bắt đầu tuyệt thực. Con cháu khóc-lóc. Cụ mỉm cười :" Ta nay là phế nhân, sống không ích cho Vua, thác sẽ chẳng thiệt cho ai". Rồi thản nhiên viết bài thơ sau :

Thời thời, đất lợi, lại người hòa,
Hà dễ ngồi coi, phải nói ra.
Lăm trả ơn Vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng ruổi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ,
Vượt biển trèo non cám phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba!

(+) canh huyền dịch triệt : thay dây đàn, tránh lằn bánh cũ có nghĩa là thay đổi đường lối chánh-trị cho hạp-thời.

Sau 25 ngày nhịn đói (+) mà không chết, quan Phan liền gọi con cháu đến gần mà trối :"Ta không có của cải gì để lại cho các con. Mong một điều là các con giữ cho tròn đạo làm người, chớ nhận chức gì của người Pha-lang-sa. Ta chết rồi hãy đem về Ngáo-châu, táng bên mộ ông bà. Đừng làm lá triệu, chỉ ghi như vầy ... "Rồi tự tay viết trên tấm giấy hồng đơn hàng chữ :

Đại-Nam hải nhai lão thư-sinh tánh Phan chi cữu.

(Linh-cữu của học-trò già họ Phan ở ven biển nước Đại-Nam)

Quan Phan tự cho mình không xứng-đáng nêu lên những tước-phẩm của Triều-đình và muốn trên mộ bia cũng sẽ chỉ ghi hàng chữ ấy mà thôi. Cụ lại viết thêm một bài thơ nữa :

BANG DUẬT TƯƠNG TRÌ
NGƯ ÔNG ĐẮC LỢI

Vạn vật nguyên lai lưỡng bất can,
Chỉ nhân ẩm trác khởi tranh đoan.
Vân cầm tráng chí hà tu nhượng?
Thủy cáp hùng tâm bất khẳng khoan.
Khai khẩu bất như giam khẩu ổn,
Nhập đầu cánh giác xuất đầu nan.
Tác tri đắc lợi quy ngư phủ,
Vân thủy phi tiềm các tự an. (++)

Tạm dịch :

TRAI CÒ CHỐNG NHAU

Hai giống trời sanh vốn chẳng quen,
Chỉ-vì tham lợi quá bon-chen.
Cò khoe dài mỏ nhường sao đặng,
Trai cậy dày mai khép chặt liền,
Mở miệng không bằng im miệng quách!
Thò đầu mới biết thụt đầu yên.
Sớm hay mắc phải tay chài bắt,
Thì đã bay cao, lặn biệt tin.

Đến đêm, quan Phan bưng chén á-phiện hòa với giấm thanh uống cạn. Rồi nhắm mắt chờ chết. Đó là ngày mồng 5 tháng 7 năm Đinh-Mão, Tự-Đức thứ 20 (4.8.1867).

Ôi! Đẹp thay và đáng phục thay!

(+) Theo tài-liệu khẩu truyền của ông Phan Vinh Tòng, con ông Xuân, cháu nội ông Phan Thanh Học. Ông Học gọi quan lớn Phan bằng Bác.

(++)Chép theo bản của Lãng-Nhân, Giai-thoại Làng Nho.

Quan Phan đã tự dành cho mình một cái chết phi-thường. Người đồng-thời ai cũng ngậm-ngùi thương tiếc. Ngay sau khi quan Phan tắt hơi, trung-tá Ansart, tư-linh Vĩnh-Long đã viết bức thơ đề ngày 4.8.1867 cho ông Reboul, tổng tham-mưu trưởng quân-lực Lang-sa, trong đó có câu :"... ông ta đã tự-tử với một ý-chí cương-quyết lạ-lùng. Sau khi chuẩn-bị thể-xác cho thuốc-độc dễ tàn-phá, bằng cách giảm thực hơn 15 ngày (+), ông ta đã bình-tĩnh trù-liệu mọi việc, sai mua sắm quan-tài, may đồ tang-phục cho con cháu và trối-trăn...".

Chết như vậy mà đã yên đâu : ngày 21 tháng 10 dl năm 1867, Vua Tự-Đức thứ 20, 24 tháng 9, Vua truyền đưa vụ án Phan Thanh Giản và các quan ra xử trước Tôn-nhơn-phủ, vì trong số ấy có ông Tôn Thất Cáp, thống-đốc quân-vụ ở Biên-Hòa là dòng tôn-thất. Kết-quả, là tháng 11 năm Tự-Đức thứ 20 (1868) quan Phan bị truy-đoạt tất cả tước phẩm triều-đình, đục tên trên Bia Tiến-sĩ và bị án trảm hậu...

Mãi đến 17 năm sau, triều Đồng-Khánh nguyên niên mới được phục-vị.

Xin ngâm 2 bài thơ của cụ Đồ Chiểu

Non nước tan tành, hệ bởi đâu?
Dàu-dàu mây trắng cõi Ngao-châu!
Ba triều công-cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cang-thường một gánh thâu.
Trạm bắc ngày chiều, tin điệp vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh-sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu.

Nguyễn-đình-Chiểu (?)

Quan Phan tiết nghĩa sánh cao dày,
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may.
Hết dạ giúp Vua, trời đất biết,
Nát lòng vì nước, quỷ thần hay.
Tuyệt lương một tháng, rau xanh mặt,
Bị trách ba phen, lửa đỏ mày.
Chỉ sợ sử thần biên chẳng rạc,
Tấm lòng ấm ức, phải thày-lay.

Nguyễn-đình-Chiểu

<u>DANH LƯU HẬU THẾ</u>.- Phan Thanh Giản làm tôi ba triều (Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức) là một ông quan thanh-liêm, cương-trực, nhân-từ, một trung-thần, một hiếu-tử, ai cũng mến-phục đức độ tài-ba. Ông lại là một nhà trí-thức học cao, hiểu rộng, gồm đủ đức-tánh của một hiền nhân. Văn-chương của ông, cho đến Vua Tự-Đức mà cũng khen là "cổ nhã".

Xét cho cùng-tột, dưới triều Tự-Đức, ngoài Phan Thanh Giản ra, chưa chắc đã có một quan đại-thần nào am-tường tình-trạng văn-minh Tây-phương và sức mạnh khoa-học của người Tây-phương, trong lúc triều-đình Huế phần đông cứ tưởng nước ta mạnh. Sự chủ hòa của người thức-thời lại bị xuyên-tạc, đến chừng quân Lang-sa đánh nà, giựt mình, nằn-nỉ van xin chuộc đất (!) thì quá muộn-màng.

Phan Thanh-Giản quan-niệm rằng hễ thành mất thì quan giữ thành phải mất theo thành cho tròn đạo với quân vương. Không đắn-đo, không do-dự, vì không muốn sống để di cái nhục cho Vua. Khi bị đặt trước sự lỡ rồi, quan Phan phải tuẫn-tiết. Trước ông có Võ-Tánh, người Biên-Hòa, theo Nguyễn Vương đánh bại Tây-sơn tới-bời, sau bị vây khốn ở Bình-định, quân-sĩ hết lương-thực, ông nổi lửa tự thiêu vì nghĩ rằng phải sống chết với thành. Đó là ngày 27 tháng 5 năm Tân-Dậu (7.7.1801). Cùng một ngày Ngô Tùng Châu cũng uống thuốc độc mà chết theo để bảo-toàn danh-tiết. Sáu năm sau khi quan Phan tuẫn-tiết, quan Nguyễn Tri Phương vì Hà-nội thất-thủ, bị trọng thương, không thuận để cho người Pháp bó vết thương và săn-sóc thuốc-men, nhứt-quyết tuyệt thực cho tới chết. Đó là ngày 20.12.1873. Hoàng-Diệu, người Quảng-Nam, tổng-đốc Hà-Ninh (Hà-nội và Ninh-bình) bị đại-tá Rivière tấn-công thành-trì, buộc các quan phải nộp mình, liệu chống giữ không nổi, Hoàng-Diệu treo cổ mà chết, sau khi gởi sớ về Kinh. Năm 1945 quân-sĩ Nhựt có người hay tin bại trận, mổ bụng mà chết...

Theo tôi, quan Phan có một thái-độ đáng bái-phục vì nó chứng-minh lòng dũng-cảm, trầm-mặc, anh-hùng. Nghĩ coi : suốt đời ba chìm bảy nổi, ông đã nhẫn-nhục cực độ, ngậm miệng làm thinh mà hy-sinh bản thân, dám vứt bỏ cái "ta" mà báo đáp quân ân. Suốt đời ông sống thanh-bần vì, hơn ai hết, ông đã ngộ đạo thánh-nhân, không chạy theo cuộc đời hư-ngụy, mà giữ vững một tinh-thần trong trắng. Có nhẹ lòng ham muốn mới trầm-mặc rồi giác ngộ được. Quan Phan đã sửa-soạn, sắp xếp cái chết rất chu-đáo như một người đi xa. Gọi con cháu tới trối-trăn mọi việc, làm thơ, viết sớ cảnh-tỉnh Vua và đình-thần, chờ Huế có thái-độ, chờ cả tháng bặt tin, mới uống thuốc độc. Đau-đớn biết bao nhiêu, trong khi chất độc ngấm vào tạng-phủ để lần lần... lần lần đi vào cõi hư-vô. Cái chết của quan Phan cho ta một bài học đích-đáng về đức hy-sinh và cái dũng vô bờ bến của một Giê-su, một Quảng Đức. Có người hỏi : tại sao Vĩnh-long mất ngày 15.6.1867, 3 tỉnh mất từ ngày 24 mà mãi đến ngày 4.tháng 8. 1867 Kinh-lược-sứ mới mất theo thành? Điều ấy không lạ : nếu ta hiểu ý-thức-hệ của người xưa và hoàn-cảnh không lối thoát của Phan công, ta hiểu ngay. Thua trận, tuẫn tiết trước khi thành mất, là hành-vi làm cho quân nghịch khâm phục, đã đành. Theo thế thường, người anh-hùng khí-khái chết để khỏi thấy thành mình lọt vào tay giặc tuy nhiên, đối với quan Phan, chết như vậy là theo một sự bồng-bột, bực-tức nhứt-thời. Mất thành, tức mà tự-tử, cũng đáng khen. Nhưng như vậy, chưa phải đã làm tròn phận-sự,

. ., trọn nghĩa-vụ của một trung-thần, Trước khi nhắm mắt, phải làm lâm sao đánh thức quân Vua, để có một đường-lối chánh-trị mới thích-hợp hơn, đối với Nam-kỳ Lục-tỉnh. Làm thế nào cho người ở lại "thay dây đàn, tránh vết xe cũ". Lời-lẽ thống-thiết, lâm-ly của Phan công, của Hoàng Diệu phải làm cho chúng ta, kẻ hậu-sinh,- suy-gẫm mà phục, mà thương. Trước khi lìa trần, Phan công đã nghẹn-ngào khuyên Vua nên đổi thay đường-lối chánh-trị. Số đi rồi, trông mòn con mắt, ngày này sang ngày khác, mà tin điệp vẫn không ngờ.., Phan công cảm-giác mình đã làm tròn phận tôi con, tròn trách-nhiệm, rồi mới có quyết-định dứt-khoát.

Sự ung-dung tự-tử của ông đã được ông E. LURO (+) đề-cao và so-sánh với thái-độ trầm-lặng của cổ-nhân La-Mã.

Nếu muốn quy-trách việc người Lang-sa cướp đất chúng ta rồi đô-hộ trong tám mươi năm, thì phải quy-trách cho sự bất-thức-thời của triều-đình Huế thời ấy : tình-thế nguy-ngập, mọi sự gần hỏng bét rồi mà cứ bầu vào Phan Thanh Giản để điều-đình xin chuộc đất (!)

Giòng lịch-sử cho biết lỗi đó nào phải của Phan Thanh Giản. Vậy mà đời nay, có vài "sử-gia" căn-cứ vào bức thơ của trung-tá ANSART đăng trong tạp-chí France-Asie số 109-110, tháng 7 năm 1955, cố tình trích ra vài đoạn, để phê-phán một cách sai-lầm, bất-công, về thái-độ và khí-phách của một nhân-vật lịch-sử được nhân-dân miền Nam sùng-bái như một vị tuẫn-thần, Lại nghĩ rằng Phan Thanh Giản còn ham sống chớ không có ý-định quyên-sinh, chỉ vì áp-lực của một số quan-lại mới dùng đến độc dược. Rồi mạnh miệng phun ra những tiếng không may đẹp/như là "buôn dân, bán nước" để thóa-mạ vong linh /tai quan Phan. Tài-liệu lịch-sử cho ta biết trước đó một tháng, quan Phan đã ra lịnh cho tất cả các quan trực-thuộc phải về Bình-thuận hay Huế rồi, để một mình mình ở lại xử-trí với vấn-đề trách-nhiệm không giữ được thành.

Thì còn ai đâu mà "bức tử quan Phan?

Ngoài việc ấy ra, Ansart viết :"Vài ngày trước khi thực-hiện quyết-định tai-hại ấy, ông ngỏ ý muốn để lại cho tôi ít ngàn quan dùng vào việc học-hành của các con cháu..." Chính ông Ansart viết thêm :". Mọi người đều tin-tưởng rằng cha Marc và tôi có thể khuyên-can ông (PTG) đừng thi-hành quyết-định tự-tử. Nhưng số-mạng đã xen vào : tôi không hiểu tí gì về những lời ông nói, xuyên qua cửa miệng của người thông-ngôn. Khi nghe nói "quan" viên thông-ngôn dịch ra "franc". Nên nhớ thời ấy, quan tiền Pháp là quan-vàng, còn "quan" của ta là quan tiền... kẽm. Dịch ra tiếng "franc" là dịch sai, dẫn chứng như vậy là bị suy-đoán có ác-ý muốn bôi bẩn đức thanh-liêm của vị trung-thần họ Phan.

Huống chi năm Bảo-Đại thứ 8, ngày 12.7.1933, Vua sắc cho/Long-Hồ, tỉnh Vĩnh-Long, phải phụng thờ làm thần : Phan công, Hiệp-tá Đại-học-sĩ, lãnh Nam-Kỳ Kinh-Lược-Sứ Toàn Quyền Đại-thần.

/làng

Nhai lại một bất công của quá thời, là một cử chỉ thiếu tình thương. Hình như trên quả địa-cầu này, tình thương là một thứ gì xa lạ với loài người. Tại vậy mới có đấu tranh, mới có giặc giã !

Thì giờ eo hẹp. Tôi xin lỗi cùng quý vị, đã nói hơi dài... Tôi chỉ muốn chúng ta có một quan-niệm không lệch lạc về cái chết vì nước vì dân, - không phải riêng gì của Phan-Thanh-Giản,- mà của tất cả những vị trung thần tuẫn tiết đã thị cái chết như lông hồng khi đứng trước một tình thế vạn nan. Và tôi cũng xin quý vị, nếu đồng ý với tôi, khi đọc những lời bất công của những "sử gia" ấy, hãy cùng tôi nhếch mép mỉm một nụ cười hàm súc tình thương, không mảy may hậu ý./.

Tuần-Lý HUỲNH-KHẮC-DỤNG

TÀI-LIỆU THAM KHẢO

Phan Thanh Giản et sa famille par Daudin et Lê Văn Phúc
Bulletin de la Soc. des Études Ind. 2e sem. 1941.

Sử-liệu Việt-Nam par Tuần-lý Huỳnh-khắc Dụng
Bộ Giáo-dục xuất-bản 1959

Việt-Nam Pháp thuộc sử (1884-1945)
Phan-Khoang, Saigon Khai-Trí, 1961

Sử-địa số 7-8, Saigon Khai-Trí 1967

Histoire d'Annam, Maybon et Russier

Việt-Nam sử-lược, Trần Trọng Kim, Saigon Tân Việt 1951

Abrégé de l'Histoire d'Annam, Alfred Schreiner
Saigon, Imp. Coudurier et Montégut 1906

Histoire de la Cochinchine francaise, Cultru
Paris, 1910

Giai-thoại Làng Nho, Lãng-Nhân, Kim-Lai 1971

*
* *